TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2019/DS-PT
Ngày: 23/7/2019

V/v tranh chấp **"**Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất**"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNTỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em.**
Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Thu Hằng.**
Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà*: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 155/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2019/QĐPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của ông Tư có chị Dương Mỹ L, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T theo giấy ủy quyền ngày 03/5/2019.

2. Bị đơn: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M.**

Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Nguyễn Văn T.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày*:

Ông có đứng tên phần đất diện tích 3.596m^2, tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T, gồm các thửa như sau: Thửa số 457^a diện tích 2.000m^2; Thửa số 459, diện tích 896m^2 và thửa 459^a, diện tích 700m^2 Trong đó, thửa số 459, diện tích 896m^2 và thửa số 459^a, diện tích 700m^2 nằm liền kề nhau và giáp ranh với đất của Ủy ban nhân dân xã M. Năm 2009, Nhà nước làm huyện lộ 35 đi từ Vĩnh Kim đến ngã ba Ba Dừa đã tách rời hai thửa 459 và 459^a, thửa 459^a là đất ao nằm ở phía Nam lộ (bên hông của Hội trường Ủy ban nhân dân xã M). Sau khi hoàn thành công trình huyện lộ Ủy ban nhân dân xã M tuyên bố phần đất thửa số 459^a, diện tích 700m^2 là của Ủy ban nhân dân xã M. Để xác định phần đất này thuộc chủ quyền của ông, ông yêu cầu về nhà lấy giấy chủ quyền sử dụng đất nhưng phía Ủy ban nhân dân không đồng ý và cũng không cho ông tiếp tục canh tác và quản lý phần đất này nữa. Do Ủy ban nhân dân xã M ngang nhiên chiếm đất nên ông yêu cầu xác định phần đất có diện tích 700m^2, đất ao, số thửa 459^a nằm trong phần đất có tổng diện tích 3.596m^2, đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Buộc Ủy ban nhân dân xã M trả lại cho ông phần đất có diện tích 700m^2 số thửa 459^a, nằm trong phần đất có tổng diện tích 3.596m^2, đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T; Buộc Ủy ban nhân dân xã M bồi thường thiệt hại cho ông thu nhập trong thời gian qua là 9.600.000 đ/năm x 6 năm = 57.600.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Chí T, là người đại diện theo ủy quyền của ông T xác định lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận phần đất thuộc thửa số 459^a diện tích 700m^2 (theo diện tích đo đạc thực tế là 1.531,2m^2, tờ bản đồ số 15 thuộc một phần thửa số 502) tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T.

** Bị đơn Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T là ông Bùi Văn T trình bày:*

Vào năm 1983 - 1984, Ủy ban nhân dân xã M có thuê xáng múc mở rộng con rạch công cộng (từ cầu Ba Tân (sông Long Điền) đến giáp đất ông 3 H. Trong quá trình thi công có đi ngang qua phần đất của một số hộ dân, lấy đất thải về hướng Nam dự định làm sân vận động (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân và Trạm Y tế), lúc đó có thỏa thuận với các hộ dân và phù hợp với chủ trương phía Bắc có thải đất lên một phần để làm đường đi, sau mở rộng làm lộ nhựa (hiện nay là huyện lộ 35). Trên lòng xáng múc còn lại là một con kênh công cộng, không ai tranh chấp. Đến ngày 15/01/1996, Ủy ban nhân dân huyện C có quyết định số 18, nội dung tiến hành cưỡng chế buộc ông A, bà Điệp thực hiện việc tháo dỡ nhà để trả lại phần đất có diện tích 14m^2, thửa số 4599 tọa lạc ấp M, xã

M, huyện C, tỉnh T cho ông Nguyễn Văn T. Cùng năm, ông Tư được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00540, thửa số 459[a], diện tích 700m^2 đất ao do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 18/11/1996. Với hai lý do trên ông T nghĩ là phần đất kênh xáng, diện tích khoảng 700m^2 thuộc quyền sử dụng của mình. Qua xác minh và đối chiếu thì trên địa bàn xã M không có phần đất nào thuộc thửa 4599 và phần đất tiếp giáp giữa ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn C có một cái mương lá, dừa nước (không có số thửa diện tích khoảng 700m^2, hiện có một phần nằm trong khu đất vườn của ông T và một phần nằm trong lộ nhựa). Năm 1996, khi làm thủ tục cấp giấy quyền sử dụng đất cho ông T, hội đồng đăng ký đất đai không đến thực địa để đo đạc nên đã làm tham mưu cấp sai diện tích của ông T. Ông Tư ngang nhiên trồng cây trên bờ kênh công cộng cặp lề huyện lộ 35 nên ông yêu cầu Tòa án buộc ông T di dời cây trồng để trả lại phần đất cho Ủy ban. Đối với yêu cầu của ông T (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T), ông không đồng ý, vì phần đất tranh chấp được đo đạc thực tế là 1.531,2m^2, tờ bản đồ số 15, nằm trong một phần của thửa số 502, tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T hiện nay Ủy ban nhân dân xã M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông cũng không có hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 155/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh T đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Văn T (đại diện Ủy ban nhân dân xã M) bồi hoàn giá trị cây trồng cho ông Nguyễn Văn T với số tiền 20.290.000 (hai mươi triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Tư có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ủy ban nhân dân xã M chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tính lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 19/11/2018, nguyên đơn Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận thửa đất 459[a], diện tích

700m^2, đo đạc thực tế là 1.531,2m^2 tọa lạc tại ấp Mỹ Điền, nay là ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T thuộc quyền sử dụng của ông. Nghiêm cấm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M thực hiện hành vi cản trở ông sử dụng, định đoạt phần đất nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo,

Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Nguyễn Văn T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của tòa án nhân dân huyện C .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của các nguyên đơn là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là đúng với quy định tại Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án nhân dân huyện C xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất" là đúng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1773601 do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 18/11/1996 thì ông T được quyền sử dụng diện tích đất 3.596m^2 tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh T trong đó có thửa 459 diện tích 896m^2 loại đất quả và thừa 459^a loại đất ao. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của ông T cho rằng 02 thửa đất này khi ông T kê khai tại sổ bộ địa chính là thửa 459 diện tích 1.596m^2, đến khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa 459 được tách ra thửa 459 và thửa 459^a, 02 thửa đất này cách nhau là 01 lộ đất liên ấp ngang khoảng 02m là ấp M và ấp M, thửa đất 459 thuộc ở ấp M, thửa 459^a thuộc ấp H. Năm 2009 nhà nước nâng lộ đất lên thành huyện lộ 35 hiện nay bà Lê Thị M vợ ông T có

làm tờ cam kết hiến đất làm lộ có chiều ngang 4,5m dài 64,8m, diện tích là 292 m^2 thì phần đất thửa 459^a của ông T giáp với đất của UBND xã M nên UBND xã M đã kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 502 diện tích 6.201m^2 trong đó có diện tích đất của ông T thuộc thửa 459^a qua đo đạt thực tế là 1.531,2m^2.

Trong quá trình giải quyết thì tòa án cấp sơ thẩm có thu thập chứng cứ từ mục kê 299 thì được Văn phòng đăng ký đất đai thuộc sở tài nguyên môi trường tỉnh T trả lời tại công văn số: 4683/TL-VPĐK ngày 24/12/2015 (BL84) và tài liệu ông T cung cấp được Văn phòng đăng ký đất đai thuộc sở tài nguyên môi trường tỉnh T trả lời tại công văn số:73/TL-VPĐK ngày 03/02/2015 kèm theo sơ đồ tổng thể được lập từ năm 1982 (BL 20,21) thì phần đất thuộc thửa 459 có diện tích 896m^2 vị trí thửa đất này nằm ở hướng Nam giáp lộ đất (nay là huyện lộ 35) là ấp M, còn Bắc lộ là thửa 1777 là ấp H, hồ sơ mục kê 299 đã thể hiện rõ ràng, lộ đất (nay là huyện lộ 35) là đường công cộng thể hiện ranh giới hai ấp thì không thể nào 01 thửa đất 459 của ông T có diện tích 1596m^2 mà có vị trí ở hai ấp như đại diện ủy quyền của ông T trình bày. Hơn nữa hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T năm 1996 cũng đã bị thất lạc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện sơ đồ vị trí, hồ sơ địa chính không thể hiện thửa đất 459^a và cũng được Văn phòng đăng ký đất đai thuộc sở tài nguyên môi trường tỉnh T trả lời không tìm thấy thửa đất 459^a diện tích 700m^2 nhưng theo mục kê ruộng đất năm 1982 của hồ sơ mục kê 299 đất tọa lạc tại ấp M, xã M thửa 459 có diện tích là 896m^2. Tuy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T được cấp 1996 có thửa 459^a diện tích 700m^2 nhưng thực tế không có phần đất này, ông T cho rằng thửa đất này hiện nay UBND xã M kê khai đăng ký qua đo đạt thực tế là tế là 1.531,2m^2 như nhận định trên là không có cơ sở.Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận phần đất thuộc thửa số 459^a, diện tích 700m^2 (theo diện tích đo đạc thực tế là 1.531,2m^2 tờ bản đồ số 15, thuộc một phần thửa số 502), tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T như nhận định trên không phải đất của ông T nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

Ngoài ra ông T yêu cầu chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M bồi thường thu nhập trên phần đất trong 06 năm là 9.600.000 đồng thành tiền là 57.600.000 đồng, yêu cầu này ông T chưa nộp tạm ứng án phí và ông T cũng đã rút yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét không đình chỉ yêu cầu này là đúng.

Đối với phần đất tranh chấp cặp với lề huyện lộ 35 ông T có trồng hàng cây gồm vú sữa, xoài mít, đu đủ, chuối…theo biên bản định giá tài sản ngày

13/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện C giá là 20.290.000 đồng anh T chủ tịch UBND xã M đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí do kháng cáo của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 73 và 79 Luật đất đai năm 1993; Pháp lệnh số 10/2009/PL UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

-Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 155/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Văn T (đại diện Ủy ban nhân dân xã M) bồi hoàn giá trị cây trồng cho ông Nguyễn Văn T với số tiền 20.290.000 (hai mươi triệu hai trăm chín mươi ngàn) đồng.

Thời gian bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu UBND xã M chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật qui định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 200.000 đồng án phí DS-ST, ông T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm 500.000 đồng theo các biên lai thu số 12349 ngày 27/4/2015 và số 16106 ngày 22/11/2018 của Chi Cục thi hành án huyện C được chuyển sang án phí xem như ông T đã nộp xong án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Án được tuyên vào lúc 08 giờ ngày 23 tháng 7 năm 2019 có mặt bị đơn vắng mặt đại diên nguyên đơn.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh T;
- TAND Huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Em

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Thu Hằng **Nguyễn Thị Sâm Hương** **Trần Thị Kim Em**